CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tư vấn sông Đà

Ngày 30/09/2025	8,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.3%	**10.4%**	**18.1%**

DT thuần
Q3/25
18.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.20| 20.6%
YoY: ▼2.90| -13.3%

LN thuần
Q3/25
0.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.28| 57.5%
YoY: ▼0.07| -8.9%

LN sau thuế
Q3/25
0.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.22| 58.1%
YoY: ▼0.06| -9.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.5%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE (TTM)
Q3/25
3.1%
YoY: +/-▼ 0.2%

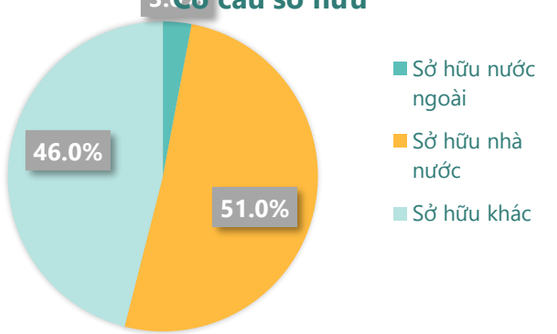
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 9,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	22
Số lượng CPLH (CP)	2,609,648
KLGD BQ 20 phiên (CP)	305
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.14
EPS	615
P/E	13.8

DT thuần
9T 2025
44.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.6| -20.7%

LN thuần
9T 2025
1.44
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.65| -31.1%

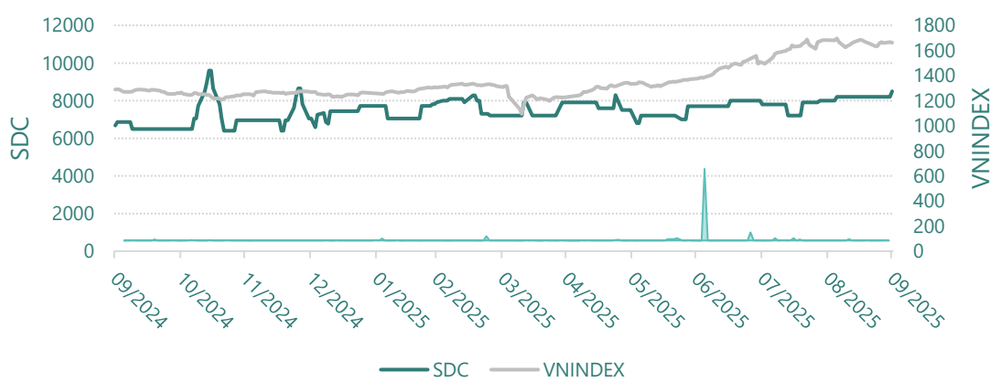
LN sau thuế
9T 2025
1.26
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.34| -21.2%

Cơ cấu sở hữu

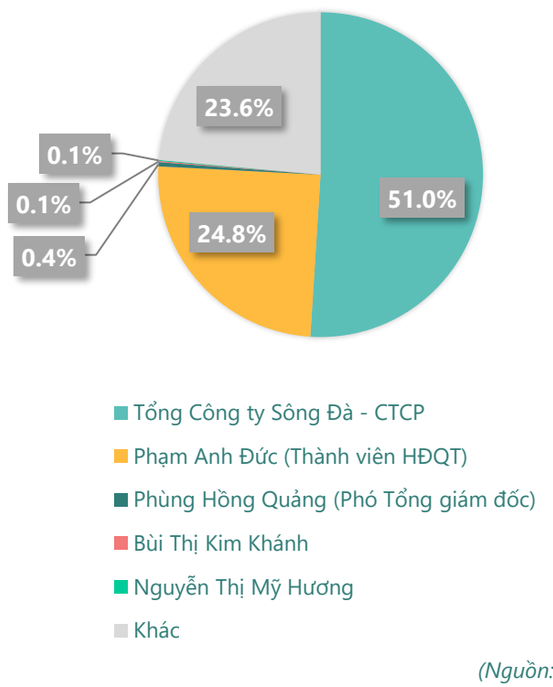


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



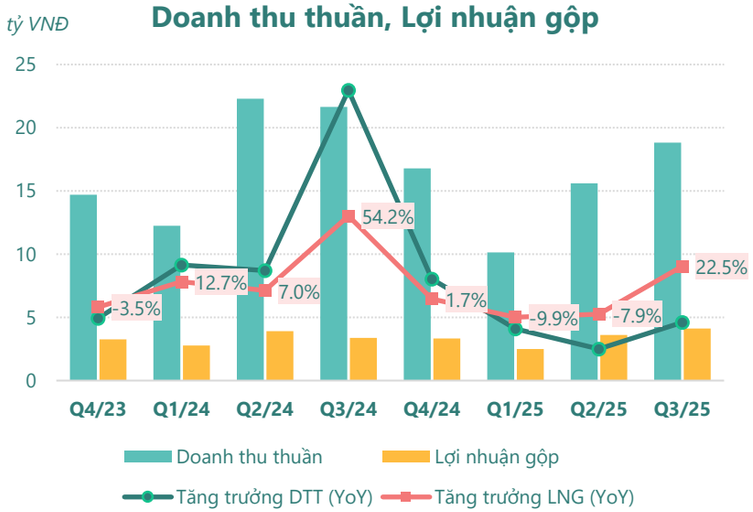
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

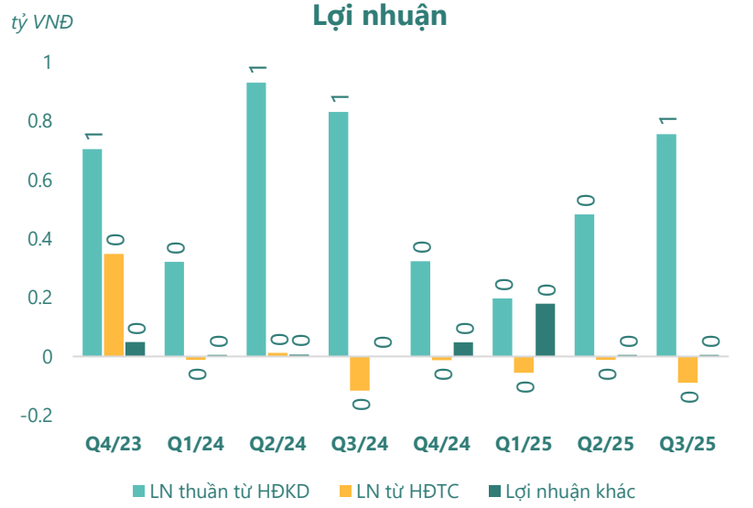
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



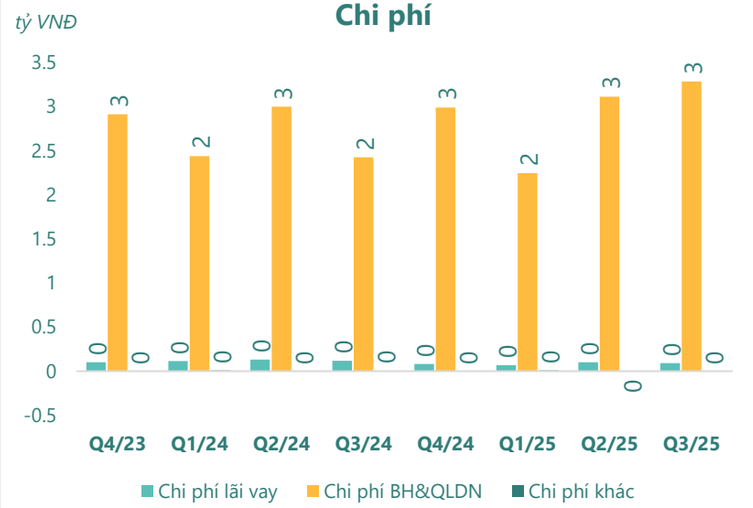
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



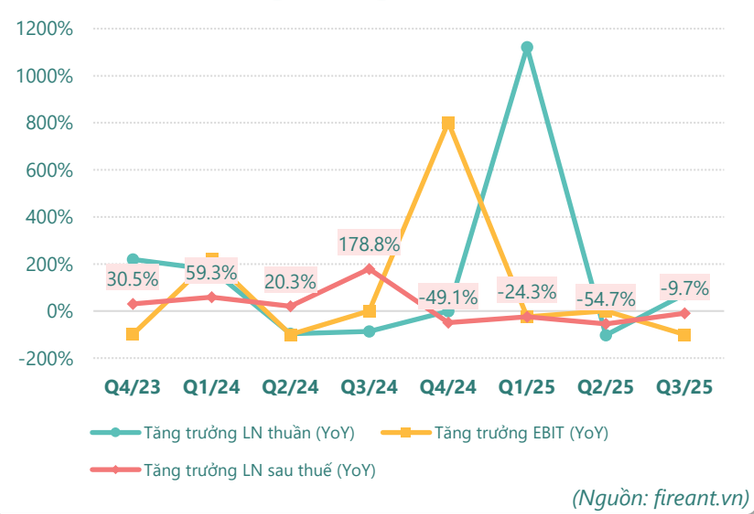
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



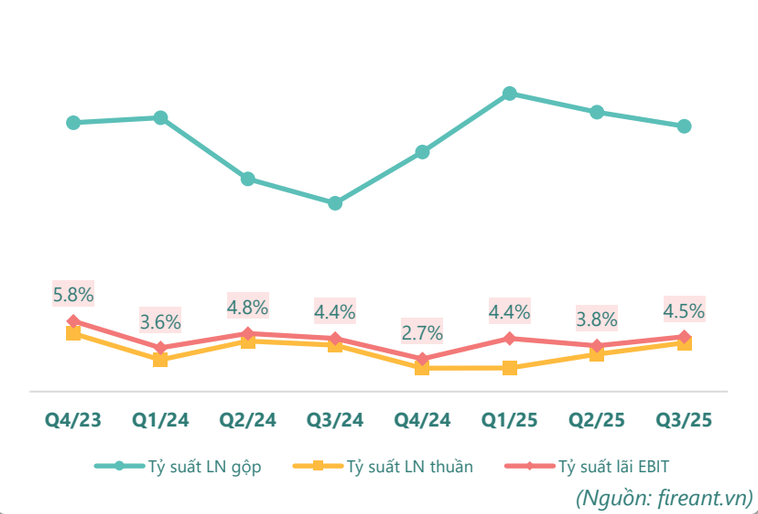
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



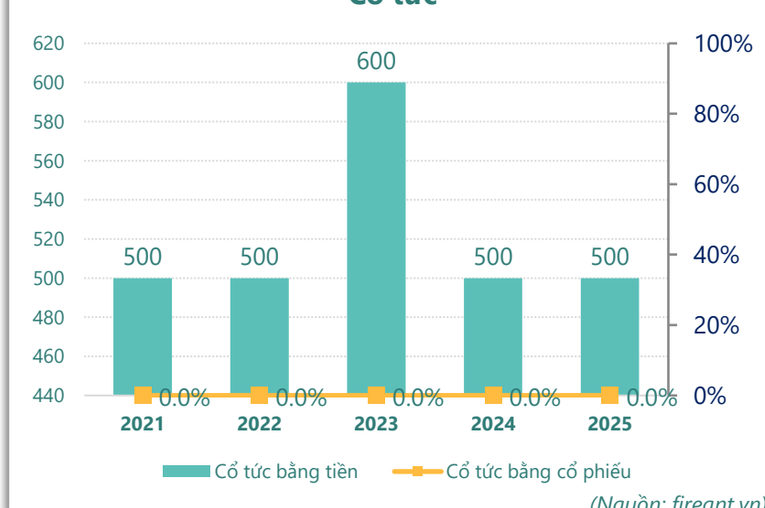
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

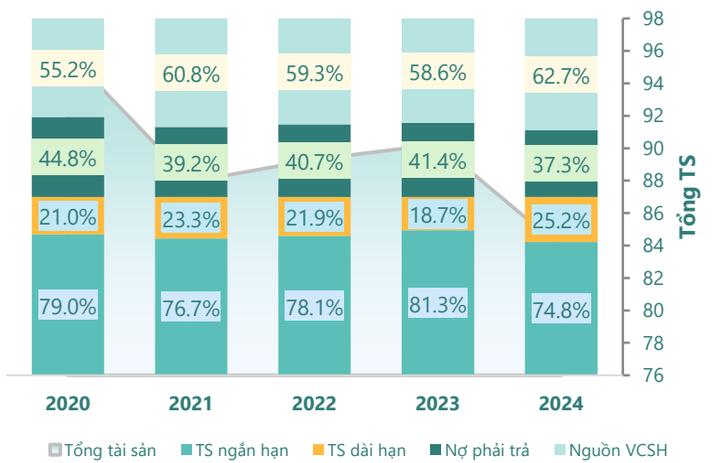
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

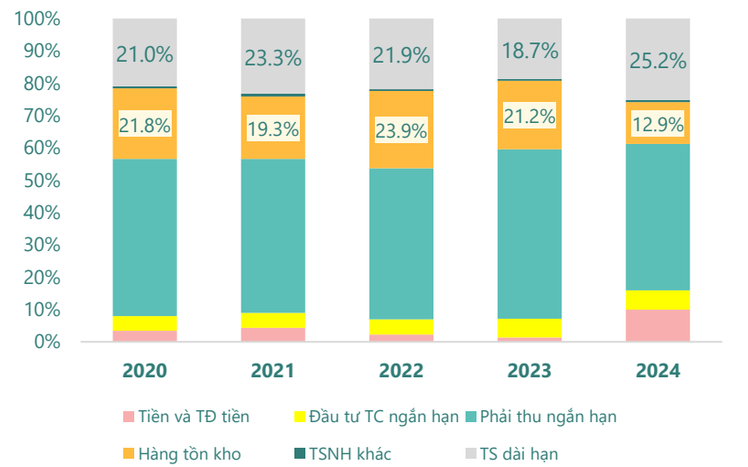
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



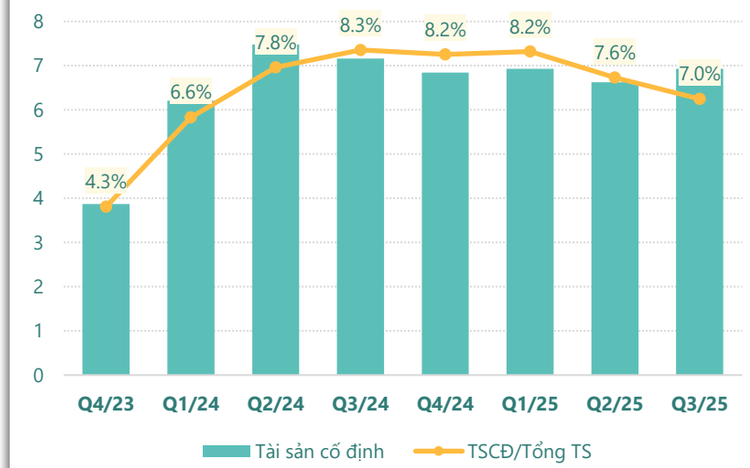
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



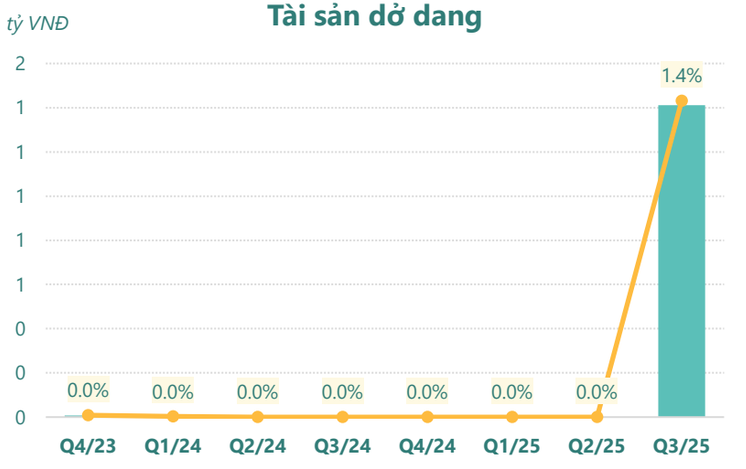
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



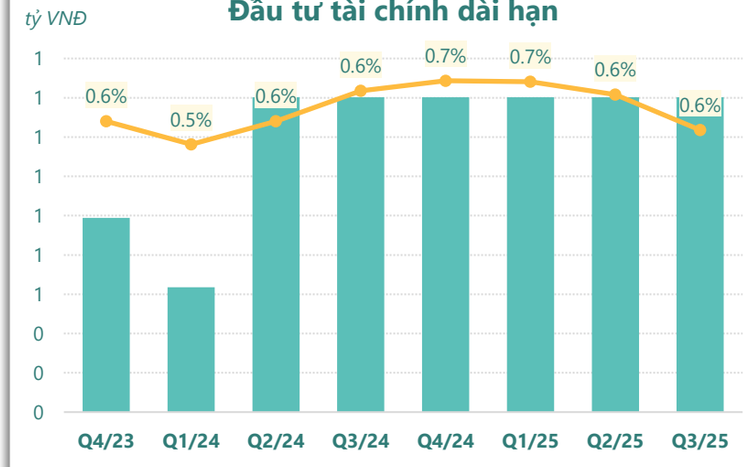
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



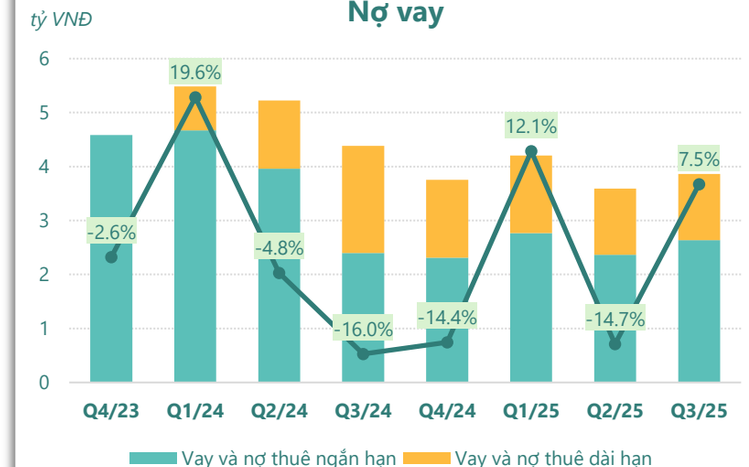
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

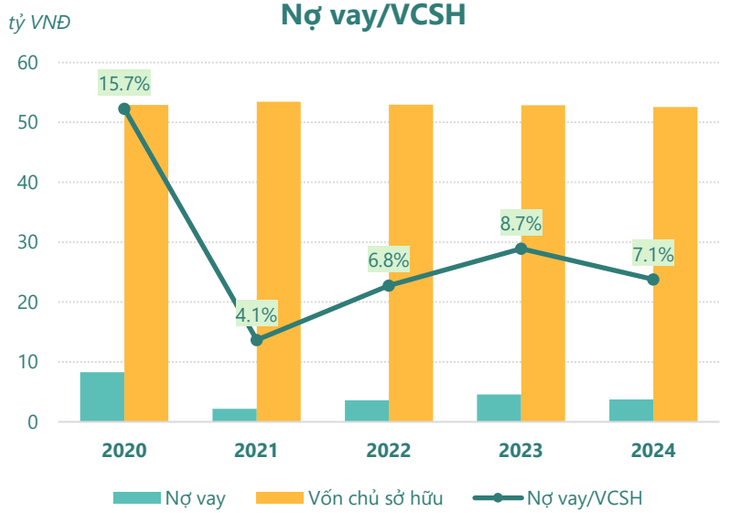
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



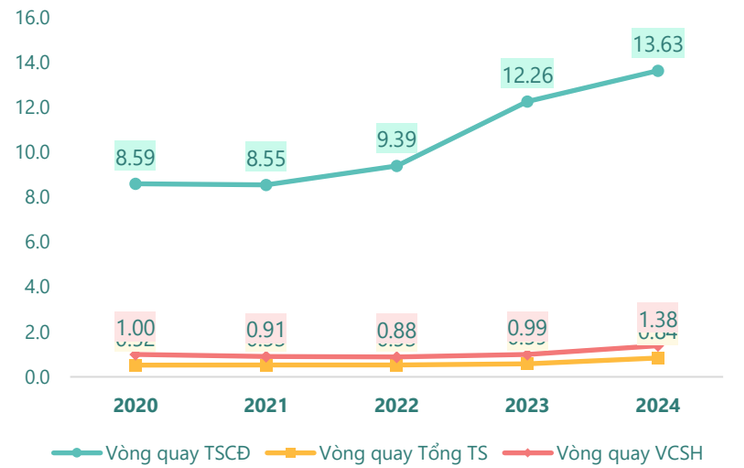
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



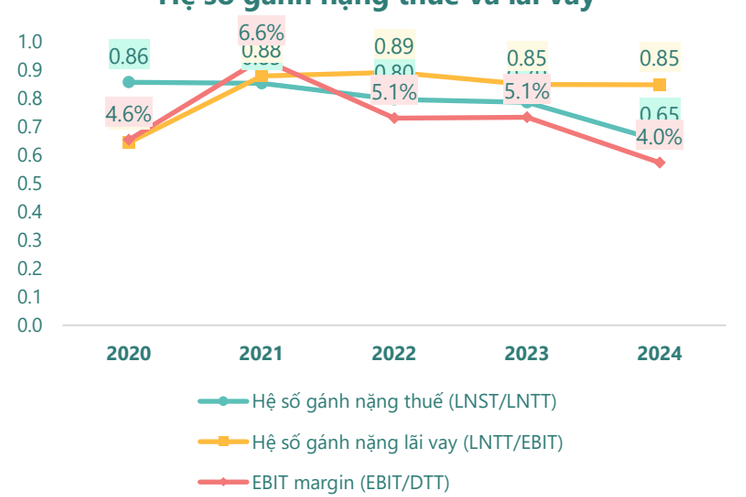
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



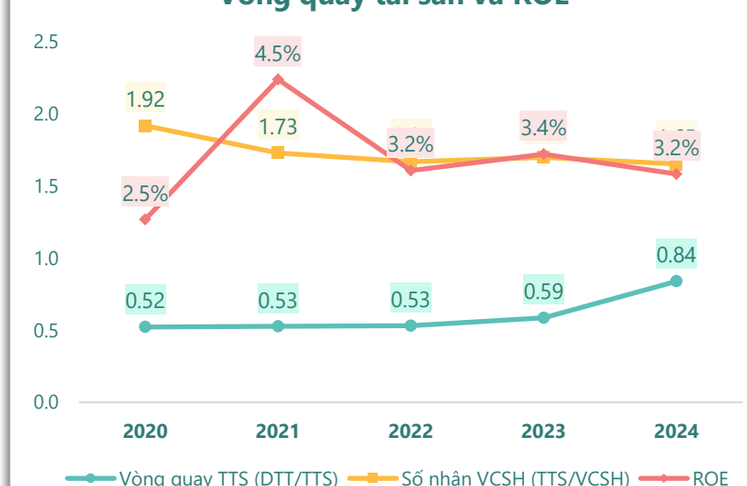
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



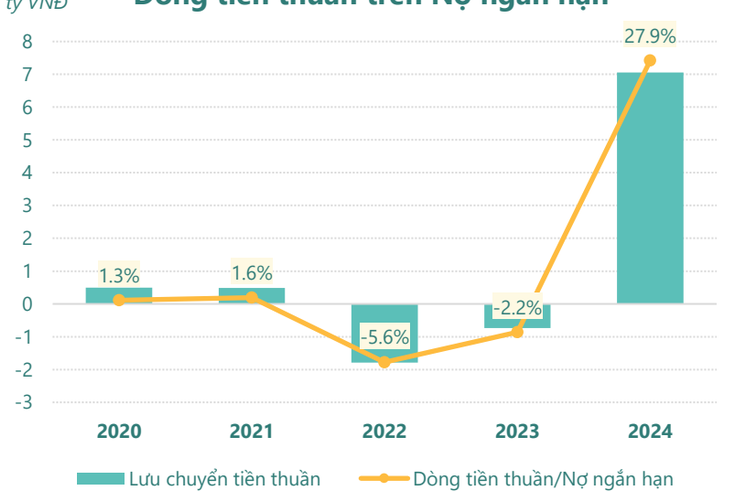
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**18.8**	**21.7**	**-13.3%**	**44.6**	**56.2**	**-20.7%**
Giá vốn hàng bán	14.7	18.3	-19.7%	34.3	46.1	-25.6%
Lợi nhuận gộp	4.13	3.37	22.6%	10.2	10.1	1.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.11	0.22	-51.0%
Chi phí TC	0.09	0.12	-24.5%	0.26	0.33	-21.4%
Chi phí lãi vay	0.09	0.12	-24.5%	0.26	0.36	-28.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.03	0.03	-8.4%	0.09	0.08	6.0%
Chi phí QLDN	**3.26**	**2.40**	**35.7%**	**8.56**	**7.78**	**10.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.76	0.83	-8.9%	1.44	2.09	-31.1%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.19**	**0.01**	**1275%**
LN trước thuế	0.76	0.83	-8.3%	1.63	2.10	-22.6%
Lợi nhuận sau thuế	**0.60**	**0.66**	**-9.0%**	**1.26**	**1.60**	**-21.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.61**	**0.68**	**-10.1%**	**1.31**	**1.65**	**-20.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.97	3.90	3.77	-2.40	-0.51	2.42
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.63	-0.78	0.03	-1.87	1.63	-1.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.26	-2.14	-0.63	0.46	-1.92	0.27
Tiền đầu kỳ	3.78	4.17	5.15	8.32	4.50	3.69
Lưu chuyển tiền thuần	**0.40**	**0.97**	**3.17**	**-3.82**	**-0.81**	**1.54**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.17	5.15	8.32	4.50	3.69	5.23

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**98.6**	**83.9**	**17.5%**
Tài sản ngắn hạn	73.4	62.7	17.0%
Tiền và tương đương tiền	5.23	8.32	-37.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.07	5.04	0.6%
Phải thu ngắn hạn	38.4	38.0	1.2%
Hàng tồn kho	23.7	10.8	119%
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	0.57	66.8%
Tài sản dài hạn	**25.2**	**21.2**	**19.0%**
Phải thu dài hạn	13.8	12.0	15.1%
Tài sản cố định	6.93	6.84	1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.41	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.55	0.55	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.48**	**1.77**	**40.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.7	31.3	49.3%
Nợ ngắn hạn	**40.9**	**25.3**	**61.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.64	2.31	14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.62	1.85	149%
Nợ dài hạn	5.82	6.00	-3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.22	1.44	-15.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**51.8**	**52.6**	**-1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**51.8**	**52.6**	**-1.4%**
Vốn điều lệ	26.1	26.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)